

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 58 /NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 23 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm
2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BA MƯƠI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu: Số 67/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; số 22/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2025 về điều chỉnh kế hoạch vốn và bổ sung danh mục dự án đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 3539/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025 thực hiện các Chương

trình mục tiêu quốc gia; Báo cáo thẩm tra số 485/BC-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025

Tổng kinh phí điều chỉnh 15.168,797 triệu đồng, bao gồm: Chương trình xây dựng nông thôn mới 212,252 triệu đồng; Chương trình giảm nghèo bền vững 751,575 triệu đồng; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 14.204,97 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Điều chỉnh chủ đầu tư các danh mục dự án trong kế hoạch vốn năm 2025 *(bao gồm cả vốn kéo dài)*

Chủ đầu tư được cập nhật theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn và bổ sung danh mục dự án đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ ba mươi thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ



**DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
VÀ CHỦ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

(Kèm theo Nghị quyết số **58** /NQ-HĐND ngày **03** tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền		Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch năm 2025 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số		Trong đó: NSTW	Điều chỉnh giảm (-)				Điều chỉnh tăng (+)
				Tổng số	Trong đó: NSTW								
	TỔNG SỐ			260.791	256.218	265.505	260.201	196.326,970	15.168,797	15.168,797	196.326,970		
A	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới			9.323	8.819	8.819	8.819	6.001,000	212,252	212,252	6.001,000		
1	Đường giao thông nội đồng bản Cấn Cầu, xã Sùng Phái	2024-2025	547/17.11.2023	1.280	1.280	1.280	1.280	436,000	1,000		435,000	UBND phường Đoàn Kết	
2	Đường giao thông nội đồng bản Sùng Phái, xã Sùng Phái	2024-2025	548/17.11.2023	1.995	1.900	1.900	1.900	662,000	0,395		661,605	UBND phường Đoàn Kết	
3	Đường giao thông nội đồng bản Lùng Thàng, xã Sùng Phái	2025-2025	863/14.11.2024	600	600	600	600	600,000	36,201		563,799	UBND phường Đoàn Kết	
4	Đường nội đồng số 2 bản Cấn Cầu, xã Sùng Phái	2025-2025	862/14.11.2024	756	756	756	756	756,000	5,379		750,621	UBND phường Đoàn Kết	
5	Rãnh thoát nước thái bản Cấn Đẳng, xã San Thàng	2025	332/25.4.2025	418	418	418	418	302,000		42,975	344,975	UBND phường Tân Phong	
6	Đường nội bản Nhiều Sang	2025-2025	199/08.11.2024	600	600	600	600	600,000	1,000		599,000	UBND xã Tả Lềng	
7	Đường vào+Sân bê tông nhà văn hóa bản Chủ Lìn, xã Hồ Thầu	2025-2025	200/08.11.2024	252	252	252	252	252,000	23,500		228,500	UBND xã Tả Lềng	
8	Đường ngõ bản Tả Chải	2025	34/25.4.2025	572	572	572	572	413,000		24,500	437,500	UBND xã Tả Lềng	
9	Tu sửa nước sinh hoạt bản Nậm Phìn, xã Nậm Khao	2025-2025	518/29.10.2024	850	786	786	786	786,000	144,777		641,223	UBND xã Mường Tè	
10	Nâng cấp đường giao thông trục bản, nội bản Nà Hè, xã Bùn Nưa	2025	109/06.5.2025	2.000	1.655	1.655	1.655	1.194,000		144,777	1.338,777	UBND xã Bùn Nưa	
B	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững			85.377	82.148	86.807	82.148	30.140,000	751,575	751,575	30.140,000		
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo			85.377	82.148	86.807	82.148	30.140,000	751,575	751,575	30.140,000		
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo			85.377	82.148	86.807	82.148	30.140,000	751,575	751,575	30.140,000		
1	Đường từ Làng Sáng - Tả Thàng - Hồng Thu Chồ, xã Hồng Thu	2024-2025	2290/29.12.2023	14.977	12.600	14.977	12.600	6.800,000	300,000		6.500,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	
2	Nâng cấp đường từ TT xã đến bản Nậm Béo	2024-2025	2288/29.12.2023	12.500	12.000	13.260	12.000	7.000,000	99,575		6.900,425	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	
3	Nâng cấp đường từ TL129 - Nà Ké 2 - Trung Sung A - Hồng Thu Chồ	2024-2025	2291/29.12.2023	10.242	10.000	10.913	10.000	5.400,000	142,000		5.258,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	



STT	Đanh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch năm 2025 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: NSTW		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
				Tổng số	Trong đó: NSTW								
4	Đường xuống bến Huổi Pha 1,2, xã Nậm Hăn, huyện Sìn Hồ	2022-2025	1813/5-8-2022	6.360	6.250	6.360	6.250	-		99,575	99,575	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	
5	Nâng cấp đường giao thông Ha Vu Chứ - Chinh Chu Phìn, xã Tủa Sín Chải	2025	520/06.5.2025	5.298	5.298	5.298	5.298	4.856,000		442,000	5.298,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	
6	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia đến các bản thuộc xã Nậm Hàng (Nậm Cây, Lũng Ngải, Nậm Lay)	2022 - 2024	2007 10/8/2022	11.000	11.000	11.000	11.000			69,156	69,156	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	
7	Cấp điện cho bản Huổi Mẩn B, xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn	2025	551/28.4.2025	5.000	5.000	5.000	5.000	4.584,000		140,844	4.724,844	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	
8	Nâng cấp đường giao thông Ló Mé, Lè Giảng, Là Pê 1,2; trung tâm xã Tả Pạ	2022-2025	1717/12.8.2022; 597/29.11.2022; 3744/26.11.2024	20.000	20.000	20.000	20.000	1.500,000	210,000		1.290,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	
C	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			166.091	165.251	169.879	169.234	160.185,970	14.204,970	14.204,970	160.185,970		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			282	262	4.245	4.245	4.216,000	1.268,000	29,000	2.977,000		
1	Nội dung 3: Hỗ trợ đất sản xuất giao cho huyện Phong Thổ					3.983	3.983	3.983,000	1.268,000		2.715,000		
2	Sửa chữa nước sinh hoạt Háng Lìa 1 xã Tả Ngáo	2025-2025	803/21.11.2024	282	262	262	262	233,000		29,000	262,000	UBND xã Tủa Sín Chải	
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị			0	0	0	0	1.760,000	1.760,000	-	-		
	Chưa phân bổ chi tiết giao cho huyện Phong Thổ							1.760,000	1.760,000		-		
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			109.896	109.866	109.866	109.866	101.484,276	4.447,276	10.707,123	107.744,123		
1	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Khoen On	2025-2025	1696/29.11.2024	800	800	800	800	712,000		88,000	800,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Nậm Cuối	2025-2025	1691/29.11.2024	800	800	800	800	712,000		88,000	800,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
3	Trạm Y tế xã Ma Quai	2025-2025	1693/29.11.2024	800	800	800	800	712,000		88,000	800,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	



STT	 Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch năm 2025 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSTW	Kế hoạch vốn giao năm 2025	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
				Tổng số	Trong đó: NSTW								
4	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Tù Sín Chải	2025-2025	1716/02.12.2024	800	800	800	800	712,000		88,000	800,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
5	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Tà Ngáo	2025-2025	1694/29.11.2024	800	800	800	800	712,000		88,000	800,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
6	Nâng cấp đường sản xuất vùng chè bản Huổi Hầm xã Mường Cang	2025-2025	3929.17.11.2023	1.325	1.325	1.325	1.325	1.180,000		145,000	1.325,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
7	Mở mới tuyến mương bản Muồng xã Mường Cang	2025-2025	3930.17.11.2023	470	470	470	470	418,000		52,000	470,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
8	Đường nội đồng bản Lun 1 xã Tà Mung	2025-2025	3931.17.11.2023	1.900	1.900	1.900	1.900	1.691,000		209,000	1.900,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
9	Thủy lợi Hồ Ta - Pá Liêng xã Tà Mung	2025-2025	3932.17.11.2023	1.800	1.800	1.800	1.800	1.602,000		198,000	1.800,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
10	Đường sản xuất bản Nà Then xã Mường Kim	2025-2025	3933.17.11.2023	1.200	1.200	1.200	1.200	1.068,000		132,000	1.200,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
11	Nâng cấp đường bê tông Pá Khoang đi Pa Chí Tấu	2025-2025	3934.17.11.2023	960	960	960	960	855,000		105,000	960,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
12	Mở mới đường sản xuất vùng chè và cây ăn quả Noong Ma nối tiếp xã Tà Hừa - Ta Gia	2025-2025	3935.17.11.2023	1.500	1.500	1.500	1.500	1.335,000		165,000	1.500,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
13	Đường sản xuất vùng chè, cây ăn quả Pù Cha, Cáp Na 1, 2, 3 xã Tà Hừa	2025-2025	3936.17.11.2023	1.000	1.000	1.000	1.000	890,000		110,000	1.000,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
14	Xây dựng cống, rãnh thoát nước đường sản xuất Pù Cay, Huổi Bắc xã Pha Mu	2025-2025	3937.17.11.2023	1.000	1.000	1.000	1.000	890,000		110,000	1.000,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
15	Làm mới đường nội đồng bản Noong Quang xã Khoen On	2025-2025	3939.17.11.2023	3.000	3.000	3.000	3.000	2.671,000		329,000	3.000,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
16	Đường nội đồng Hua Mùi xã Khoen On	2025-2025	3941.17.11.2023	1.000	1.000	1.000	1.000	890,000		110,000	1.000,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
17	Nâng cấp kênh mương thủy lợi bản Noong Thăng, Che Bó xã Phúc Than	2025-2025	3942.17.11.2023	800	800	800	800	712,000		88,000	800,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
18	Đường liên bản Cáp Na 3 - Hồ Chít (nối tiếp GĐ 3) xã Tà Hừa	2025-2025	4717.29.12.2023	800	800	800	800	712,000		88,000	800,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
19	Đường GTNT từ ngã ba Pá Khoang đi Pá Chít Tấu	2025-2025	4718.29.12.2023	1.325	1.325	1.325	1.325	1.180,000		145,000	1.325,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VIỆT NAM

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

STT

Danh mục dự án

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch năm 2025 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: NSTW		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
				Tổng số	Trong đó: NSTW								
20	Đường trục bản Tân Phù Nhiêu, Suối Thầu; Đường nội đồng bản Nà Bò, Cốc Pa	2025-2025	2583/25.11.2024	5.000	5.000	5.000	5.000	4.451,000		481,000	4.932,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
21	Đường nội đồng các bản Ma Sao Phìn Thấp, Sằn Phằng Thấp, đường trục bản Ngải Thầu Thấp + rãnh thoát nước	2025-2025	2584/25.11.2024	5.600	5.600	5.600	5.600	4.985,000		558,821	5.543,821	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
22	Đường từ bản Giang Ma và bản Sín Câu đến trung tâm xã Giang Ma	2025-2025	2586/25.11.2024	9.600	9.600	9.600	9.600	8.546,000		78,479	8.624,479	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
23	Xây cầu bản BTCT qua suối bản Ma Sao Phìn cao, bản Thên Thầu	2025-2025	2510/11.11.2024	800	800	800	800	712,000		80,211	792,211	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
24	Thủy lợi Cha Pa Phòng xã Tả Ngáo huyện Sìn Hồ	2023-2025	2687/14.12.2022	2.000	2.000	2.000	2.000	1.013,000		18,373	1.031,373	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
25	Cụm thủy lợi Na Sái, Ta Pưm... xã Noong Hèo	2025-2025	126/15.11.2024	2.773	2.773	2.773	2.773	2.469,000		304,000	2.773,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
26	Đường giao thông Nậm Lẩn - bản Nhù Cà, xã Ka Lăng, huyện Mường Tè	2025-2025	2320/24.7.2024	3.500	3.500	3.500	3.500	3.116,000		384,000	3.500,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
27	Thủy lợi Khò Ma, bản Tú Nạ, xã Ka Lăng, huyện Mường Tè	2025-2025	3583/30.10.2024	5.738	5.738	5.738	5.738	5.108,000		630,000	5.738,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
28	Thủy lợi Cá Xú Lô Cá, bản Là Pê, xã Tả Bạ, huyện Mường Tè	2025-2025	3585/30.10.2024	3.400	3.400	3.400	3.400	3.027,000		373,000	3.400,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
29	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Tả Bạ, huyện Mường Tè	2025-2025	3584/30.10.2024	5.300	5.300	5.300	5.300	4.718,000		582,000	5.300,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
30	Thủy lợi Bãi Danh, bản Ngà Chồ, xã Tả Tổng, huyện Mường Tè	2025-2025	3586/30.10.2024	4.200	4.200	4.200	4.200	3.739,000		461,000	4.200,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
31	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè	2025-2025	3587/30.10.2024	5.300	5.300	5.300	5.300	4.718,000		582,000	5.300,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
32	Cứng hóa từ bản Nhóm Pồ - Vạ Pù đến trung tâm xã Tả Bạ, huyện Mường Tè	2025-2025	2261/17.7.2024	20.860	20.860	20.860	20.860	18.571,000		2.249,239	20.820,239	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
33	Thủy lợi Nậm Pậm bản Pắc Ma xã Mường Tè	2025-2025	3588/30.10.2024	1.010	1.010	1.010	1.010	899,000		111,000	1.010,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
34	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Tả Chải	2025-2025	861/14.11.2024	1.500	1.500	1.500	1.500	1.335,000		161,000	1.496,000	UBND phường Đoàn Kết	
35	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi Hua Chít - Cáp Na 2 xã Tả Hừa	2025-2025	105.20.11.2023	415	400	400	400	356,000		44,000	400,000	UBND xã Mường Kim	
36	Đường nội đồng Tạng Phát bản Cáp Na 1 xã Tả Hừa	2025-2025	106.20.11.2023	415	400	400	400	356,000		44,000	400,000	UBND xã Mường Kim	



STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch năm 2025 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: NSTW		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
				Tổng số	Trong đó: NSTW								
37	Đường giao thông nội đồng tổ 24	2025-2025	264/09.11.24	666	666	666	666	593,000		73,000	666,000	UBND xã Tân Uyên	
38	Đường giao thông nội bản Hồ Be	2025-2025	265/09.11.24	952	952	952	952	848,000		104,000	952,000	UBND xã Tân Uyên	
39	Thủy lợi bản Chạm Cả	2025-2025	261/09.11.24	476	476	476	476	424,000		52,000	476,000	UBND xã Tân Uyên	
40	Thủy lợi bản Nà Nội	2025-2025	263/09.11.24	476	476	476	476	424,000		52,000	476,000	UBND xã Tân Uyên	
41	Thủy lợi bản Hồ Be	2025-2025	262/09.11.24	476	476	476	476	424,000		50,000	474,000	UBND xã Tân Uyên	
42	Nâng cấp sửa chữa rãnh thoát nước bên đường nội bản Pá Ngùa	2025-2025	606/14.11.24	415	415	415	415	369,000		46,000	415,000	UBND xã Tân Uyên	
43	Đường nội đồng bản Đán Tuyển	2025-2025	804/13.11.24	460	460	460	460	410,000		50,000	460,000	UBND xã Nậm Sò	
44	Nước sinh hoạt bản Hồ Cà	2025-2025	805/13.11.24	575	575	575	575	512,000		63,000	575,000	UBND xã Nậm Sò	
45	Nước sinh hoạt bản Tho Ló	2025-2025	806/13.11.24	518	518	518	518	461,000		57,000	518,000	UBND xã Nậm Sò	
46	Nước sinh hoạt Hồ Ít	2025-2025	807/13.11.24	403	403	403	403	359,000		44,000	403,000	UBND xã Nậm Sò	
47	Nước sinh hoạt bản Hua Ngò	2025-2025	808/13.11.24	288	288	288	288	256,000		32,000	288,000	UBND xã Nậm Sò	
48	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất bản Phìn Khò xã Bum Tờ, huyện Mường Tè	2025-2025	718/30.10.2024	1.600	1.600	1.600	1.600	1.424,000		176,000	1.600,000	UBND xã Bum Tờ	
49	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất các bản (Nà Phây, Vàng San, Pắc Pạ) xã Vàng San, huyện Mường Tè	2025-2025	441B/05.11.2025	2.400	2.400	2.400	2.400	2.137,000		263,000	2.400,000	UBND xã Hua Bum	
50	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất bản Pắc Ma, xã Mường Tè, huyện Mường Tè	2025-2025	444/29.10.2024	700	700	700	700	623,000		77,000	700,000	UBND xã Mường Tè	
51	Chưa phân bổ chi tiết giao cho huyện Phong Thổ							3.719,000	3.719,000		-		
52	Chưa phân bổ chi tiết giao cho huyện Nậm Nhùn							728,276	728,276		-		
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực			7.055	7.055	7.055	7.055	4.146,632	2.182,632	1,893	1.965,893		
1	Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Giang Ma	2022-2024	2611/05.8.2022; 2506/25.11.2024	7.055	7.055	7.055	7.055	1.964,000		1,893	1.965,893	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Chưa phân bổ chi tiết giao cho huyện Phong Thổ							112,000	112,000		-		
3	Chưa phân bổ chi tiết giao cho huyện Nậm Nhùn							2.070,632	2.070,632		-		



STT	 Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền			Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn giao năm 2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch năm 2025 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: NSTW		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
				Tổng số	Trong đó: NSTW								
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			2.380	1.590	2.235	1.590	1.417,000	-	173,000	1.590,000		
1	Nhà văn hóa bản Trại Xoong xã Tà Phìn	2025-2025	680/21.11.2024	450	80	400	80	71,000		9,000	80,000	UBND xã Sìn Hồ	
2	Nhà văn hóa bản Phìn Hồ xã Phìn Hồ	2025-2025	692/20.11.2024	430	85	410	85	76,000		9,000	85,000	UBND xã Hồng Thu	
3	Nhà văn hóa bản U Na, xã Tà Tổng	2025-2025	653/30.10.2024	300	285	285	285	254,000		31,000	285,000	UBND xã Tà Tổng	
4	Nhà văn hóa bản A Mé, xã Tà Tổng	2025-2025	651/30.10.2024	300	285	285	285	254,000		31,000	285,000	UBND xã Tà Tổng	
5	Nhà văn hóa bản Tia Ma Mù, xã Tà Tổng	2025-2025	652/30.10.2024	300	285	285	285	254,000		31,000	285,000	UBND xã Tà Tổng	
6	Nhà văn hóa bản Sìn Chải C, xã Pa Vệ Sù	2025-2025	396B/18.10.2024	300	285	285	285	254,000		31,000	285,000	UBND xã Bum Nưa	
7	Nhà văn hóa bản Chà Gá, xã Pa Vệ Sù	2025-2025	396C/18.10.2024	300	285	285	285	254,000		31,000	285,000	UBND xã Bum Nưa	
VI	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tắm tóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em			24.434	24.434	24.434	24.434	22.989,000	-	1.445,000	24.434,000		
	Xây dựng nhà khám, chữa bệnh và điều trị Trung tâm y tế huyện Than Uyên	2025-2025	1692/29.11.2024	24.434	24.434	24.434	24.434	22.989,000		1.445,000	24.434,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
VII	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn			22.044	22.044	22.044	22.044	24.173,062	4.547,062	1.848,954	21.474,954		
1	Đường ngõ bản, đường nội đồng, hệ thống rãnh thoát nước bản Đông Pao2	2025-2025	2587/25.11.2024	5.200	5.200	5.200	5.200	4.629,000		253,429	4.882,429	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Thủy lợi Nậm Đeng bản Bãi Trâu	2025-2025	2512/11.11.2024	300	300	300	300	267,000		30,548	297,548	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
3	Thủy lợi Đông Pao 2	2025-2025	2511/11.11.2024	400	400	400	400	356,000		38,933	394,933	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
4	Thủy lợi Tỳ Sàng bản Đông Pao 2	2025-2025	2513/11.11.2024	750	750	750	750	668,000		41,844	709,844	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
5	Xây dựng Kè bê tông nhà Văn hoá bản Đông Pao 2	2025-2025	2514/11.11.2024	2.300	2.300	2.300	2.300	2.048,000		48,200	2.096,200	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
6	Nâng cấp thủy lợi Xám Láng	2025-2025	3589/30.10.2024	880	880	880	880	783,000		97,000	880,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
7	Sửa chữa, nâng cấp TL đầu bản Nậm Xuồng	2025-2025	3590/30.10.2024	824	824	824	824	734,000		90,000	824,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	



ĐẢNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI VIỆT NAM

CHỦ TỊCH

THỦ TƯỚNG

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

<